

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI**

**1. Anh Trần Công A** **sinh năm: 1986**

Nơi cư trú: 48/2, đường Đ, P.X, tp.Đ, Lâm Đồng. (vắng mặt)

**2. Chị Nguyễn Thị Cẩm D                      sinh năm: 1998**

Nơi cư trú: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

\* Người làm chứng:

**Anh Nguyễn Văn Q                                      sinh năm: 1996**

Nơi cư trú: Khu 13, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Tô Kim M và Lê Hoàng H có quan hệ bạn bè và có chung sở thích xe mô tô phân khối lớn. Biết anh H có ý định đổi xe mô tô phân khối lớn nhưng không đủ tiền. Do bản thân cần tiền tiêu xài và trả nợ, M nảy sinh ý định lợi dụng việc mua xe của anh H, tạo dựng lòng tin, sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền mua xe của anh H và xe mô tô của người bán.

Để thực hiện ý định của mình, vào chiều ngày 12/11/2017, Tô Kim M hẹn anh H đến quán ăn bên đường N, quận X, tp.HCM để bàn về chuyện mua xe mô tô phân khối lớn cho anh H. Mặc dù không có tiền nhưng Tô Kim M vẫn hứa hẹn cho anh H mượn tiền mua xe để tạo niềm tin đối với anh H. Tô Kim M sử dụng điện thoại Iphone 4S của mình truy cập vào các trang mạng xã hội để tìm xe phân khối lớn rao bán. Sau đó, cả hai thống nhất, tìm mua chiếc xe hiệu Suzuki biển số 49A6-0196 của anh Nguyễn Minh L.

Vào sáng ngày 13/11/2017, anh Lê Hoàng H mang theo số tiền 13.000.000đ điều khiển xe mô tô biển số 59G2 – 069.82 chạy đến quận X, tp.HCM để đón Tô Kim M. Để tạo lòng tin với anh H, M mang theo một túi xách màu xám – đen không có tiền bên trong và nói dối anh H rằng M đang mang theo số tiền 80.000.000đ để cho anh H mượn mua xe. Tin lời M, anh H yên tâm và chở M về khu vực G, huyện T tìm gặp L để mua xe.

Khi đến nhà của anh Nguyễn Minh L, anh H và Tô Kim M vào xem xe mô tô biển số 49A6-0196, nổ máy và kiểm tra tình trạng xe, đồng thời thỏa thuận giá cả. Sau đó M chủ động hẹn với anh L sẽ quay lại mua xe sau khi đi xem một chiếc xe mô tô khác tại thị xã L và nói với anh H chở M quay lại khu vực Trung tâm hành chính huyện T để uống cà phê. Tại quán cà phê G tại Trung tâm hành chính huyện T, Tô Kim M đề nghị anh H đưa cho M số tiền 13.000.000đ để M giữ và thanh toán tiền mua xe cho H. Do tin lời M, anh H giao cho M số tiền 13.000.000đ.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Tô Kim M và anh H quay lại nhà anh L. Sau khi chạy thử xe, anh H đồng ý mua xe mô tô biển số 49A6-0196 với giá 114.000.000đ và tiền hành làm giấy tờ mua bán viết tay không có công chứng. Trong lúc anh H và anh L đang làm giấy tờ mua bán xe, Tô Kim M đề nghị anh L cho chạy thử xe, anh L đồng ý. Ngay sau khi nhận được xe, Tô Kim M điều khiển xe mô tô biển số 49A6-0196 mang theo số tiền 13.000.000đ đồng bỏ chạy về hướng ngã tư D. Khoảng 10 phút sau, không thấy Tô Kim M quay lại, anh H gọi điện cho M, M nói dối đang đổ xăng sau đó tắt máy điều khiển xe mô tô chạy theo đường ĐT

769 về tp.HCM để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, M đã sử dụng 2.000.000đ tiêu xài vì mục đích cá nhân.

Biết Tô Kim M lừa đảo chiếm đoạt tài sản, anh Lê Hoàng H và anh Nguyễn Minh L đã trình báo Công an xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, anh L gọi điện nhờ bạn bè truy tìm.

Sau khi bỏ chạy đến khu vực xã lộ 25, huyện T, Tô Kim M đã bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ và giao Công an xã Q, huyện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm số tiền 11.000.000đ và xe mô tô hiệu Suzuki 750cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196.

Căn cứ kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Thống Nhất xác định: 01 xe mô tô hiệu Suzuki 750cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196 đã qua sử dụng trị giá 100.000.000đ

Bản cáo trạng số 09/CT.VKS-HS ngày 30-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Tô Kim M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tô Kim M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

*\* Lời nói sau cùng của bị cáo:*

Những ngày bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã nhận thấy sai trái để sửa chữa, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận do cần tiền tiêu xài và trả nợ, Tô Kim M đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc mua bán xe mô tô giữa anh Lê Hoàng H và anh Nguyễn Minh L. Để thực hiện hành vi phạm tội của mình, M đã tạo dựng lòng tin đối với anh H bằng cách tích cực giúp đỡ anh H tìm người bán xe và chủ động hứa hẹn cho H mượn tiền để mua xe mô tô. Ngày 13/11/2017, tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Tô Kim M đã nói dối để anh H

đưa cho M 13.000.000đ thanh toán tiền mua xe đồng thời nói dối để anh L đưa xe mô tô hiệu Suzuki 750cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196 để chạy thử máy. Sau khi lấy được tiền và xe mô tô, M đã điều khiển xe mô tô Suzuki 750cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196 bỏ chạy theo đường ĐT769 về hướng L. Sau đó, M bị quần chúng nhân dân phát hiện, bắt, áp giải và giao cho Công an xã Q, huyện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật gồm số tiền: 11.000.000đ và xe mô tô hiệu Suzuki 750 cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196 trị giá 100.000.000đ. Tổng giá trị tài sản mà M chiếm đoạt là 113.000.000đ.

Hành vi của bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn nên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân, ngày 22/6/2010, bị cáo Tô Kim M bị TAND quận 10, tp.HCM xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo được xét miễn tiền thi hành án là 200.000đ theo quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án số 24/7/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Do đó, bị cáo được xóa án tích theo quy định về áp dụng các tình tiết có lợi theo điểm a, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015.

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả, xe mô tô đã được thu hồi trả cho người bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[3] Về biện pháp tư pháp:

Vật chứng thu giữ: Số tiền 11.000.000đ là tài sản của anh Lê Hoàng H; 01 xe mô tô hiệu Suzuki 750cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196 là tài sản hợp pháp của anh Lê Minh L. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã ra quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ ngày 10/12/2017 tuyên trả: 11.000.000đ cho chủ sở hữu là anh Lê Hoàng H, trả xe mô tô hiệu Suzuki 750cm<sup>3</sup>, biển số 49A6-0196 cho người bị hại là anh Lê Minh L nên không xem xét.

Điện thoại di động Iphone 4S, màu đen là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Tô Kim M, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

01 chiếc túi xách màu xám thuộc quyền sở hữu của bị cáo Tô Kim M, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, anh H khai nhận sau khi bị cáo bỏ trốn anh H đã mở cốp xe lấy 01 túi xách ra kiểm tra, nhận thấy bên trong không có tài sản nên anh H đã vớt lại chiếc túi xách bên lề đường quốc lộ 20. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã thông báo truy tìm nhưng đến nay chưa có kết quả.

- Trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Hoàng H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về mặt dân sự nên không xem xét.

Anh Nguyễn Minh L đã nhận lại xe mô tô biển số 49A6-0196 và số tiền 5.000.000đ do gia đình bị cáo bồi thường do chiếc xe trên bị hư hỏng, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015.*

*Tuyên bố bị cáo **Tô Kim M** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”*

*Xử phạt:* Bị cáo **02 (hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2017.

\* Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 4S, màu đen (Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2018).

\* Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Công an huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo, người bị hại,
- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**Lưu Hồ Lân**